

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1 Tên môn học : Ngữ pháp căn bản

1.2 Mã môn học : ENGL1301

1.3 Trình độ: Đại học & Cao đẳng

1.4 Ngành / Chuyên ngành : Tiếng Anh

1.5 Khoa Ngoại ngữ phụ trách

1.6 Số tín chỉ : 03

1.7 Yêu cầu đối với môn học :

Điều kiện tiên quyết : Sinh viên đã có một nền tảng kiến thức cơ bản về từ vựng và ngữ pháp tiếng Anh đạt trình độ trung cấp sau khi kết thúc chương trình học tiếng Anh ở trường phổ thông, đã qua một kỳ thi tuyển sinh đại học và đạt đủ điểm yêu cầu tuyển sinh của trường Đại học Mở TPHCM.

1.8 Yêu cầu đối với sinh viên:

- Lên lớp: 45 tiết (1 tiết tương đương 50 phút)
- Tự học : 90 tiết

2. MÔ TẢ MÔN HỌC VÀ MỤC TIÊU

- Cung cấp kiến thức nền tảng để sinh viên học tiếp lên các bộ môn khác trong khối kiến thức kỹ năng (đặc biệt là kỹ năng viết), và các môn chuyên ngành khác trong chương trình Cử nhân.
- Giúp sinh viên hệ thống kiến thức ngữ pháp Tiếng Anh nhằm chuẩn bị cho kỳ thi đạt chuẩn TOEFL cuối khoá học.

3. NỘI DUNG CHI TIẾT MÔN HỌC

STT	CHƯƠNG	MỤC TIÊU	MỤC, TIỂU MỤC
1	Part of Speech		<u>1. Nouns</u> a. Definition and Classification b. Functions c. Subject – Verb Agreement d. Compound nouns <u>2. Articles</u> a. Definition b. Uses c. Omission
2	Part of Speech		<u>3. Adjectives</u> a. Definition and Classification b. Compound Adjectives/ Adjective Equivalents

			c. Formation <u>4. Pronouns</u> a. Definition and Classification b. Functions d. Formation
3	Part of Speech		<u>5. Verbs</u> a. Kinds b. Characteristics c. Two word verbs d. Mood <u>6. Adverbs</u> a. Definition and Classification b. Functions c. Adverb Equivalents
4	Part of Speech		<u>7. Prepositions</u> a. Definition and function b. Classification <u>8. Conjunctions</u> a. Definition and function b. Classification <u>9. Interjections</u> a. Definition and function b. Classification
5	Stop and check		
6	Kinds of Phrases		a. Absolute phrases b. Gerund phrases c. Participial phrases d. Infinitive phrases e. Prepositional phrases f. Other phrases
7	Sentence patterns		Patterns: 1,2,3
8	Sentence patterns		Patterns: 4,5
9	Clauses		Adverbial Clauses
10	Clauses		Noun Clauses – Adjective Clauses
11	Stop and check		
12	Stop and check (Midterm Test)		
13	Advanced Grammar		Comparison Conditional Sentences
14	Advanced Grammar		Reported Speech The Passive Voice
15	Stop and check		
16	Stop and check		

4. HỌC LIỆU

Giáo trình chính:

+ “Basic Grammar” do nhóm giáo viên Khoa Ngoại ngữ biên soạn.

+ “Basic Grammar Supplementary” do nhóm giáo viên Khoa Ngoại ngữ biên soạn.

Sách tham khảo:

1. Duckworth, Michael. *Grammar and Practice*. Oxford Business English. Oxford University, 1995.
2. Eastwood, John. *Oxford Practice Grammar*. New edition. China: Oxford University Press, 2000.
3. Fuchs, Majorie and Bonner, Margaret. *Grammar Express*. New York, c. 2002.
4. Graver, B.D. *Advanced English Practice*. 3rd ed. Hong Kong: Oxford University Press, 1997.
5. Alexander, L.G., *Longman English Grammar*. New York: Longman Publishing, 1992.
6. Azar, Betty Schramper. *Understanding and Using English Grammar*. 2nd ed. Australian: The Metropolitan Business College, [n.d.].
7. Azar, Betty Schramper. *Fundamentals of English Grammar*. 2nd ed. Prentice Hall Regents, 1992.
8. Bland, Susan Kesner. *Intermediate Grammar*. USA: Oxford University Press, 1996.
9. Broukal, Milada. *TOEFL Grammar Flash*. Peterson's, 2002
10. Các tài liệu luyện thi **TOEFL**.

5. TỔ CHỨC GIẢNG DẠY – HỌC TẬP

TUẦN	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY MÔN HỌC					Tổng
	Thuyết trình			Thực hành, thí nghiệm, điền dã,...	Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
1	Part of Speech				<u>1. Nouns</u> a. The possessive case b. Quantifiers c. Singular and plural nouns	
2	Part of Speech				<u>3. Adjectives</u> a. Adjective order before nouns b. Positions of Adjectives in sentence c. Irregular comparison d. Comparison of Adjectives (three degrees of comparison) <u>4. Pronouns</u> a. The use of “it”	
3	Part of Speech				<u>5. Verbs</u> a. 12 tenses b. The Active – Passive Voice c. Conditional Sentences <u>6. Adverbs</u> a. Adverb order b. Adverbial Clauses	
4	Part of Speech				9. Interjections	

					a. Exclamatory sentences	
5	Part of Speech				Review	
6	Kinds of Phrases				1. Gerund – Present participle	
7	Sentence patterns					
8	Sentence patterns					
9	Sentence patterns					
10	Adverbial Clauses					
11	Noun Clauses – Adjective Clauses					
12	Midterm Test					
13	Comparison - Conditional Sentences				Subjunctive mood	
14	Reported Speech – The Passive Voice				Irregular verbs	
15	Stop and check					
16	Stop and check					

6. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

STT	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	- Điểm giữa khóa: bao gồm điểm các hoạt động học tập trong lớp và điểm một bài thi giữa khóa để tính điểm giữa khóa của sinh viên.	30%
2	- Bài thi cuối khóa: bao gồm 50% câu hỏi kiểm tra lượng kiến thức học trên lớp và 50% câu hỏi kiểm tra lượng kiến thức tự học.	70%

7. GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

- Họ và tên: Lê Phương Thảo
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: ĐH Mở TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ liên hệ: ĐH Mở TP. Hồ Chí Minh, 97 Võ Văn Tần, Q.3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại, email: 0903192569, phuongthaolele@yahoo.com

Ban giám hiệu

Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa